TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 02 - 2024
V/v tranh chấp dân sự về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài;

Bà Trần Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 "Tranh chấp dân sự về chia tài sản chung quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 28/07/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐPT-DS ngày 31/01/2024 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:**

- Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: số A, khóm X, thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang (có mặt);

- Bà Hồ Thị S, sinh năm 1957. Địa chỉ: 1 khu phố C, đường H, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt);

- Ông Hồ Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: 4 đường T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, ông L là ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1970, theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/08/2018 BL10, giấy ủy quyền 18/7/2018 BL09 của Văn phòng C2. Địa chỉ: thị trấn T, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang (có mặt).

***2. Bị đơn*:**

- Bà Hồ Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

- Bà Hồ Kim T1, sinh năm 1982 (Ủy quyền cho ông X).

- Ông Hồ Hoàng X1, sinh năm 1984 (có mặt).

- Bà Hồ Kim N, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng cư trú: số nhà A, tổ D, ấp B, xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Kim T1 là ông Hồ Hoàng X1, sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang theo giấy ủy quyền ngày 10/9/2015 chứng thực của Văn phòng C3, địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang và giấy uỷ quyền ngày 06/9/2022 (BL87 chứng thực của Phòng công chứng số 3 thành phố H, địa chỉ: A T, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người thừa kế theo pháp luật của ông Hồ Văn K, sinh năm 1946 (chết năm 2006) gồm các ông, bà:

- Bà Hồ Thị Thanh T2, sinh năm 1974 (có mặt);

- Bà Hồ Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

- Bà Hồ Thanh T3, sinh năm 1978 (vắng mặt);

- Ông Hồ Thanh H1, sinh năm 1983 **(chết ngày 11/10/2021).** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021:

+ Bà Trần Thị Thu L1 (vợ ông H1), sinh năm 1978 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L1 là ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1970, nơi cư trú: 131/3, khóm X, thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/06/2023 BL16 (ông Đ có mặt).

+ Cháu Hồ Đức T4 (con ông H1), sinh năm 2007;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu T4: bà Trần Thị Thu L1 là mẹ ruột đại diện. Cùng cư trú: số G, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông Hồ Thành L2, sinh năm 1985.

Cùng cư trú: số G, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà T2, H, T3, L2: là ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1970, nơi cư trú: 131/3, khóm X, thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/7/2018 BL08 và ngày 15/12/2015 BL94 (ông Đ có mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T).

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh P - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T; ông Khon Vi K1 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, theo giấy ủy quyền số 4862/UQ-UBND ngày 06/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện T (thay thế Quyết định số 4633/UQ-UBND ngày 27/11/2017), ông Lê Thanh P có đơn xin vắng mặt (đơn đề ngày 19/02/2024; ông Khon Vi K1 có đơn xin vắng mặt (đơn đề ngày 29/01/2024).

3.3. Ban quản lý rừng Phòng hộ đặc dụng tỉnh A.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Đoàn Minh H2, chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật – bảo vệ rừng, Ban quản lý rừng Phòng hộ và Đặc dụng tỉnh A, theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-BQLR ngày 11 tháng 7 năm 2018 (có đơn xin vắng mặt, đơn đề ngày 26/02/2024).

3.4. Ông Chau G, sinh năm 1952, nơi cư trú: tổ H, ấp C, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.5. Ông Võ Văn B, sinh năm 1947 (vắng mặt).

3.6. Bà Lâm Thị É, sinh năm 1954 (vắng mặt).

3.6. Bà Võ Thị D, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.7. Ông Trần Thanh T5, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng cư trú: tổ A, khóm X, thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang.

3.8. Bà Mai Thị Hồ L3, sinh năm 1965, nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.9. Ông Nguyễn Văn D1, chết ngày 15/01/2015. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D1, gồm các ông, bà:

- Bà Mai Thị Hồ L3, sinh năm 1965 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu T6, sinh năm 1985 (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Trung H3, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

3.10. Hồ Văn M, sinh năm 1963 (chết 20/12/2009). Người thừa kế của ông Hồ Văn M gồm các ông, bà:

- Bà Hồ Thị T, sinh năm 1963 (có mặt)

- Bà Hồ Kim T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

- Ông Hồ Hoàng X1, sinh năm 1984 (có mặt).

- Bà Hồ Kim N, sinh năm 1986 (có mặt).

Cùng cư trú: số nhà A, tổ D, ấp B, xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang.

3.11. Bà Hồ Thị Đ1, sinh năm 1943 (chết năm 2022). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Hồ Thị Đ1 gồm các ông, bà:

- Ông Đặng Bé H4, sinh năm 1969 (vắng mặt).

- Ông Đặng Văn L4, sinh năm 1970 (vắng mặt).

- Ông Đặng Văn L5, sinh năm 1972 (vắng mặt).

- Bà Đặng Thị H5, sinh năm 1974 (vắng mặt).

- Ông Đặng Văn L6, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- Bà Đặng Thị B1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

- Ông Đặng Văn S1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

- Bà Đặng Thị Ngọc G1, sinh năm 1989 (vắng mặt);

- Ông Đặng Văn C, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng cư trú: tổ C, ấp B, xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang;

Người kháng cáo: Ngày 14/08/2023 ông Hồ Văn Đ kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xử:

- Cho bà Hồ Thị T và các con (Trắng, X1, N) được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (kế bên nhà bà T) tại các điểm 67,68,74,7,12,13,14,15 về 67 (thửa tạm 5)

- Cho bà Hồ Thị S được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (bằng hiện vật, không phải bằng tiền) đất tại các điểm 69,20, 70,72,6,73 về 69 (thửa tạm 7).

- Cho các con ông Hồ Văn K gồm (Tuyền, H2, T3, H1, L2) được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất tại các điểm 68,18,19,69,73,74 về 68 (thửa tạm 6).

- Cho ông Hồ Văn L được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (bằng hiện vật, không phải bằng tiền) đất tại các điểm 70,21,47,71,3,72 về 70 (thửa tạm 8).

- Cho ông Hồ Văn Đ được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (bằng hiện vật, không phải bằng tiền) đất tại các điểm 71,66,65,2,3 về 71.

- Không đồng ý trả giá trị cây trồng trên đất cho bà Hồ Thị T và các con bà T.

- Đất mặt tiền giáp lộ 949 giá trị rất cao ghi tên Chau G, hiện nay lại có nhà bà T, nên cần truy nguyên bộ gốc điều tra làm rõ để chia 05 phần.

- Ngoài ra ông Hồ Văn Đ không kháng cáo các nội dung khác của bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Hồ Văn Đ và cũng là người đại diện ủy quyền hợp pháp cho bà Hồ Thị S, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị Thanh T2 trình bày:

Nguyên đơn ông Hồ Văn Đ khởi kiện, đồng thời ông Đ đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, người liên quan là ông, bà Hồ Thị S, Hồ Văn L, Hồ Thị Thanh T2 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung quyền sử dụng đất của cha mẹ Hồ Văn C1, Cao Thị Ổ (tự Ổi) chết để lại diện tích đất 24.254m^2, đất này UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ số 01337 QSDĐ/nK ngày 11/12/1997 cho ông Hồ Văn M đứng tên, chứng cứ yêu cầu khởi kiện là tờ thỏa thuận họ tộc đề ngày 9/4/2008

có ông M ký tên, lăn tay và các anh em cùng ký tên gồm: Hồ Thị S, Hồ Văn L, Hồ Văn Đ xác định diện tích đất nêu trên là tài sản chung của cha, mẹ chết để lại chưa chia.

Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ ông là ông C1, bà Ỏ (tự Ổ) khai hoang trước năm 1960, sau khi anh em lớn lên đi làm và có gửi thêm tiền mua thêm đất, năm 1981 bà Hồ Thị T về sống với ông Hồ Văn M trên diện tích đất đã có trước đó, sau khi cha, mẹ chết thì ông Hồ Văn M (chết ngày 20/12/2009) tự ý đi kê khai QSD đất các anh em không ai biết, không ký tên hồ sơ cấp đất, ông M được cấp giấy chứng nhận quyền số 01337 QSDĐ/nK diện tích 24.254m^2 ngày 11/12/1997, nhưng đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 4756/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện T, nên hiện nay diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi biết được ông Hồ Văn M đứng tên quyền sử dụng đất các anh em trong gia đình không đồng ý, tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung phần đất trên.

Tại tờ thỏa thuận lập ngày 09/4/2008 xác định diện tích 24.254 m^2 theo giấy CNQSDĐ số 01337 QSDĐ/nK ngày 11/12/1997 đứng tên Hồ Văn M là tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế của (ông C1, bà Ỏ "tự Ổi" chết) để lại cho các thừa kế gồm: Hồ Thị S, Hồ Văn M, Hồ Văn L, Hồ Văn Đ và Hồ Văn K. Đối với bà Hồ Thị Đ1 là con riêng của ông Hồ Văn C1 và mẹ trước, khi lập tờ thoả thuận họ tộc do đất tranh chấp có nguồn gốc tạo lập của ông C1 và bà Ỏ (Ổi) tạo lập; căn cứ theo tờ thỏa thuận họ tộc ngày 09/4/2008 các nguyên đơn xác định 21.896 m^2 theo kết quả đo vẽ là tài sản chung chưa chia, là đất của những người thuộc hàng thừa kế của ông C1, bà Ỏ (Ổ) gồm: Hồ Thị S, Hồ Văn M, Hồ Văn L, Hồ Văn Đ, Hồ Văn K (chết ngày 18/8/2006) mà không có bà Hồ Thị Đ1, bà Đ1 chết (các thừa kế bà Đ1 không tranh chấp phần đất trên).

Nguyên đơn thống nhất với Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 lập ngày 13/12//2021 đối với diện tích tranh chấp 21.896m^2, thửa mới 21, loại đất CLN, tại các điểm 66,47,21,20,19,18,67,16,15,14,13,12,7,6,3,2,65 về 66, toạ lạc ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Ông Đ yêu cầu chia tài sản chung diện tích 21.896m^2 cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Hồ Văn K, Hồ Văn M; bà Hồ Thị S, Hồ Văn L, Hồ Văn Đ theo 05 phần bằng nhau theo nội dung tờ thoả thuận họ tộc ghi ngày 09/4/2008 và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích 12.079m^2.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị S thống nhất với ý kiến trình bày của ông Hồ Văn Đ, bà không bổ sung gì thêm.

***Bị đơn bà Hồ Thị T trình bày*:**

Nguồn gốc đất diện tích 24.254m^2 tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung là của cha mẹ chồng bà (ông Hồ Văn C1 và bà Cao Thị Ỏ (Ổ) chết) tạo lập để lại cho chồng bà là ông Hồ Văn M, khoảng năm 1981 bà về chung sống với ông M thì đã có diện tích 24.254m^2 đất này, đất tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Bà với ông M quản lý, sử dụng đất để trồng rừng, năm 1997 ông Hồ Văn M kê khai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01337 QSDĐ/nK diện tích 24.254m^2 ngày 11/12/1997, thời điểm này bà Cao Thị Ỏ (Ổ) mẹ chồng bà còn sống và ở chung với vợ chồng bà, vào năm 2012 Ủy ban huyện T đã thu hồi giấy chứng nhận đất này, bà không khiếu nại việc thu hồi đất trên. Tại phiên toà sơ thẩm, bà T lại cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do vợ chồng bà sang nhượng lại của người khác nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, bà T (vợ ông M đã chết) không thừa nhận nội dung trong tờ họ tộc ghi ngày 09/4/2008, bà không đồng ý chia đất theo nguyên đơn yêu cầu, bà T thống nhất với Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 lập ngày 13/12/2021 đối với diện tích tranh chấp 21.896m^2, thửa mới 21, loại đất CLN, tại các điểm 66, 47,21,20,19,18,67,16,15,14,13,12,7,6,3,2,65 về 66, toạ lạc ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N (con ruột ông M chồng bà T chết) thống nhất với ý kiến trình bày của bà Hồ Thị Tuyết .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 28/07/2023 của Tòa án nhân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang; Căn cứ Điều 147, 157, 244, 217, 218, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 207, 216, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 101, 166 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016/AL; Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Phân chia tài sản chung bằng hiện vật: Diện tích 21.896m^2, thửa mới 21, loại đất CLN, toạ lạc ấp B, xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 chi nhánh T7, phân chia đất cụ thể như sau:

- Ông Hồ Văn L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4379,2 m^2, thửa tạm 5, tại các điểm 67,68,74,7,12,13,14,15,16 về 67.

- Ông Hồ Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4379,2 m^2, thửa tạm 6, tại các điểm 68,18,19,69,73,74 về 68.

- Hàng thừa kế ông Hồ Văn K (gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021 gồm: bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4379,2m^2, thửa tạm 7, tại các điểm 69,20,70,72,6,73 về 69.

- Bà Hồ Thị T và hàng thừa kế của ông M: được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4379,2m^2, thửa tạm 8, tại các điểm 70,21,47,71,3,72 về 70; và diện tích 4379,2m^2, thửa 21, tại các điểm 71,66,65,2,3 về 71 gắn với móng nền nhà và vật kiến trúc của bà T và khu mã.

1.2. H6 lại giá trị:

Buộc những người thuộc hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021 gồm: bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4; những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N; ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn Đ phải hoàn lại một suất chia hiện vật 4.379,2m^2 cho bà Hồ Thị S bằng giá trị tổng cộng là **157.652.000 đồng** (một trăm, năm mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng).

- Hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021 gồm: bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4 phải hoàn lại là 39.413.000 đồng (Ba mươi chín triệu, bốn trăm, mười ba ngàn đồng).

- Hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N phải hoàn lại là 39.413.000 đồng (Ba mươi chín triệu, bốn trăm, mười ba ngàn đồng).

- Ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn Đ mỗi người phải hoàn lại là 39.413.000 đồng (Ba mươi chín triệu, bốn trăm, mười ba ngàn đồng), tổng cộng là 78.862.000 đồng (bảy mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Buộc những người thuộc hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của ông Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021 gồm: bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4; ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn Đ phải hoàn lại giá trị cây trồng cho bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế của ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N bằng giá trị tổng cộng là 131.634.000 đồng (một trăm, ba mươi mốt triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

- Hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của ông Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021 gồm: bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4 phải hoàn lại là 43.878.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

- Ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn Đ mỗi người phải hoàn lại là 43.878.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng),* tổng cộng là 87.756.000 đồng *(*tám mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

(Kèm theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 chi nhánh T7 và Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 ngày 11/02/2019).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tranh chấp với bị đơn diện tích 12.079m^2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phần chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định pháp luật.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ, bà T, bà Hồ Kim T1 (Ủy quyền cho ông X1), ông Hồ Hoàng X1, bà Hồ Kim N cùng đề nghị Tòa phúc thẩm căn cứ kết quả đo vẽ hiện trạng đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 ngày 13/12/2021; Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 07/7/2022 làm căn cứ xét xử phúc thẩm, không yêu cầu định giá lại cây trồng trên đất, đo đạc lại đất tranh chấp; Ông Đ, bà T, bà Hồ Kim T1 (Ủy quyền cho ông X1), ông Hồ Hoàng X1, bà Hồ Kim N không tranh chấp cây trồng gắn liền trên từng diện tích đất 21.896m^2 do Tòa sơ thẩm tuyên giao cho các thừa kế ông C1, bà Ỏ (Ổ), các đương sự thống nhất đề nghị Tòa phúc thẩm tuyên giao đất cho ai sử dụng theo bản vẽ nêu trên thì tuyên giao luôn cho người đó được quyền sử dụng huê lợi là cây gắn liền với đất được giao cho đương sự đó.

Theo đó, các đương sự có ý kiến tranh luận tại phiên tòa như sau:

- Ông Đ xác định giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết các nội dung nêu trong đơn đề ngày 14/08/2023 (như Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên tòa) đó là hoán đổi vị trí đất cho các thừa kế, không kháng cáo các nội dung khác của bản án sơ thẩm, không cung cấp thêm chứng cứ, không yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền lợi cho các nguyên đơn tại cấp phúc thẩm, theo đó ông Đ yêu cầu chia tài sản chung diện tích đất tranh chấp 21.896m^2 theo pháp luật cho các thừa kế, theo đó, ông Đ còn xác định ông M (chết 2009) và bà T là người quản lý, sử dụng diện tích đất 21.896m^2 từ năm 1980 để trồng rừng (các loại cây trồng trên đất này do ông M, bà T trồng) cho đến nay; bà S cư trú ở tỉnh Đồng Nai (không ở trên đất tranh chấp), đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử vụ án theo pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bà T, bà T1 (Ủy quyền cho ông X1), ông X1, bà N không đồng ý theo nội dung kháng cáo của ông Đ, các đương sự thống nhất theo Bản án sơ thẩm, theo đó bà T xác định năm 1980 khi bà về chung sống với ông M thì bà biết rõ diện tích đất tranh chấp 21.896m^2 là tài sản của ông Hồ Văn C1 (chết ngày 13/3/1995), bà Cao Thị Ỏ (Ổi) (chết ngày 26/9/1997) tạo lập trước đó, năm 1980 mới giao cho ông M quản lý, sử dụng; bà với ông M trồng rừng, trồng cây trên đất này và sử dụng đất cho đến nay, nên đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét bảo vệ quyền lợi cho mẹ con bà, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bà T2, bà L1 không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Phát biểu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung:

+ Căn cứ chứng cứ, tài liệu trong vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp nhận thấy, Tòa sơ thẩm đã xem xét toàn diện chứng cứ trong vụ án nên tuyên xử theo Quyết định bản án sơ thẩm được Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh, nên không có căn cứ xem xét.

+ Tuy nhiên cách tuyên của Tòa sơ thẩm không rõ, không chi tiết tài sản huê lợi cây trồng trên đất khi giao đất cho các đương sự (sở hữu cây trồng gắn liền đất được giao cho các đương sự), tuyên gộp, không tuyên rõ phần nhận tiền chi tiết, nên chưa đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Đ; Sửa án sơ thẩm về cách tuyên, xử lý án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên, đối chiếu quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Tòa sơ thẩm tuyên án ngày 28/07/2023, ngày 14/08/2023 ông Đ kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định và trong hạn luật định, nên nội dung kháng cáo của ông Đ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự khác tham gia tố tụng trong vụ án (UBND thị xã T xin vắng mặt), các đương sự khác tham gia tố tụng trong vụ án vắng mặt không lý do, xét thấy việc vắng mặt các đương sự này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp pháp luật.

[1.3] Đối với bà Hồ Thị Đ1 và các con của ông Hồ Văn C1 và vợ trước của ông Hồ Văn C1 (đã chết) không tham gia ký tên trong tờ thỏa thuận họ tộc trong văn bản đề ngày 09/4/2008 với các ông, bà là Hồ Thị S, Hồ Văn M, Hồ Văn L, Hồ Văn Đ cùng ký tên và lăn tay điểm chỉ ghi nội dung: Xác định diện tích đất 24.254m^2 đất được cấp giấy CNQSDĐ số 01337 QSDĐ/nK ngày 11/12/1997 đứng tên Hồ Văn M là tài sản của ông C1, bà Ỏ (Ổ) chết để lại chưa chia, hơn nữa bà Hồ Thị Đ1 (chết) các thừa kế của bà Đ1 không tranh chấp diện tích 24.254 m^2 **(kết quả đo thực tế phân lô là 21.896m^2).**

Tòa sơ thẩm đã tiến hành xác minh rõ và đưa họ tham gia tố tụng (có người vắng mặt) cụ thể bà Hồ Thị Đ1 con riêng ông C1 (bà Đ1 đã chết) các thừa kế của bà Đ1 tham gia tố tụng trong vụ án này không tranh chấp đất diện tích 21.896m^2, không yêu cầu chia tài sản chung diện tích 21.896m^2, không yêu cầu gì khác trong vụ án này, nên Tòa sơ thẩm không xem xét là đúng pháp luật.

[1.4] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này như ông Chau G, Võ Văn B, Lâm Thị É, Võ Thị D, Trần Thanh T5, Đặng Bé H4, Đặng Văn L4, Đặng Văn L5, Đặng Thị H5, Đặng Văn L6, Đặng Thị B1, Đặng Văn S1, Đặng Thị Ngọc G1, Đặng Văn C, Mai Thị Hồ L3, Nguyễn Hữu T6, Nguyễn Trung H3 các thừa kế của bà Hồ Thị Đ1 (đã chết) quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các đương sự này không có ý kiến và yêu cầu, cũng không tranh chấp gì về diện tích 24.254m^2 **(kết quả đo thực tế là 21.896m^2)**, nên Tòa sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ, bà T đề nghị Tòa phúc thẩm căn cứ kết quả đo vẽ hiện trạng đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 ngày 13/12/2021 và ngày 11/02/2019, căn cứ biên bản định giá ngày 07/7/2022 làm căn cứ xét xử phúc thẩm, không yêu cầu định giá, đo đạc lại, nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung này, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các nội dung ông Đ kháng cáo, các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn thống nhất chỉ yêu cầu chia tài sản chung phần diện tích 21.896m^2, nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích 12.079m^2, Tòa sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 12.079m^2 đúng pháp luật, những người tham gia tố tụng trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nội dung này, nên việc đình chỉ của cấp sơ thẩm đối với nội dung trên có hiệu lực thi hành.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ yêu cầu tòa phúc thẩm xử thay đổi vị trí đất cho Hồ Thị T và các con (Trắng, X1, N) được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (kế bên nhà bà T) tại các điểm 67,68,74,7,12,13,14,15,16 về 67 **(thuộc thửa tạm 5)** thì thấy;

Bà Hồ Thị T và các con (Trắng, X1, N) tham gia tố tụng trong vụ án yêu cầu chia tài sản chung đất diện tích 24.254 m^2 của ông Hồ Văn C1 và bà Cao Thị Ỏ (Ổi) chết để lại theo quy định pháp luật, những đương sự này không ủy quyền cho ông Đ đại diện tham gia tố tụng, không ủy quyền cho ông Đ thay mặt họ kháng cáo, Tòa sơ thẩm xử giao cho bà Hồ Thị T và hàng thừa kế của ông M là (Trắng, X1, N) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4379,2 m^2, **thửa tạm 8**, tại các điểm 70,21,47,71,3,72 về 70; diện tích 4379,2m^2**, thửa 21**, tại các điểm 71,66,65,2,3 về 71 gắn với móng nền nhà và vật kiến trúc của bà T ông M và đất

khu mã là phù hợp thực tế về vị trí đất, bà T và các thừa kế của ông M (chồng bà T đã chết) là T1, X1, N không kháng cáo bản án sơ thẩm, như vậy về ý chí thì các đương sự nêu trên đã thống nhất nội dung án sơ thẩm đã tuyên liên quan đến quyền lợi của họ, ông Đ lại thực hiện kháng cáo thay cho bà Hồ Thị T và các con bà T là (Trắng, X1, N) là không đúng pháp luật, nên không xem xét nội dung kháng cáo này của ông Đ, mà chỉ nhận định xem xét việc ông Đ kháng cáo yêu cầu thay đổi vị trí giao đất cho bà T và các thừa kế của ông M là bà T và các con của ông M là (Trắng, X1, N) theo nội dung kháng cáo của ông Đ ngày 14/08/2023 theo quy định pháp luật.

[2.3] Xét các nội yêu cầu kháng cáo của ông Đ yêu cầu tòa phúc thẩm xử cho bà Hồ Thị T và các con (Trắng, X1, N) được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (kế bên nhà bà T) tại các điểm 67,68,74,7,12,13,14,15,16 về 67 (thuộc thửa tạm 5); xử cho bà Hồ Thị S được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (bằng hiện vật, không phải bằng tiền) đất tại các điểm 69,20, 70,72,6,73 về 69 (thửa tạm 7); xử cho ông Hồ Văn L được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 đất (bằng hiện vật, không phải bằng tiền) đất tại các điểm 70,21,47,71,3,72 về 70 (thửa tạm 8); xử cho ông Hồ Văn Đ được quản lý sử dụng diện tích đất 4.379,2m^2 tại các điểm 71,66,65,2,3, về 71 thuộc thửa 21 theo bản vẽ ngày 13/12/2021; không đồng ý trả giá trị cây trồng trên đất cho bà T thì thấy,

Chứng cứ tại vụ án thể hiện, diện tích đất tranh chấp 21.896m^2 thể hiện tại Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 ngày 13/12/2021 đã xác định diện tích tranh chấp là 21.896 m^2 tại thửa mới 21 (và các thửa tạm được mô tả rõ trong bản vẽ) là loại đất cây lâu năm, tại các điểm 66,47,21,20,19,18,67,16,15,14,13,12,7,6,3,2,65 về 66, đất toạ lạc ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của ông Hồ Văn C1 (chết ngày 13/3/1995), bà Cao Thị Ỏ (chết ngày 26/9/1997) là cha, mẹ các đương sự nguyên, bị đơn trong vụ án tạo lập trong thời kỳ hôn nhân từ năm 1960 để lại, các đương sự thừa nhận đất là tài sản chung của các thừa kế chưa chia.

Thực tế, ông C1, bà Ỏ (đã chết) là người quản lý sử dụng liên tục đất này từ năm 1960 đến năm 1980 hai cụ giao lại cho con trai là ông M và bà T (con dâu) quản lý canh tác đất, khi ông Hồ Văn C1 (chết ngày 13/3/1995), bà Cao Thị Ỏ (Ổi) (chết ngày 26/9/1997) thì ông M tự kê khai và được cấp giấy CNQSDĐ số 01337 QSDĐ/nK ngày 11/12/1997 đứng tên Hồ Văn M khi chưa được sự đồng ý của các thừa kế ông C1 bà Ỏ (Ổ) là trái pháp luật, nên phát sinh tranh chấp, do việc cấp quyền sử dụng đất cho ông M không phù hợp pháp luật, nên Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) ban hành Quyết định số 4756/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01337 QSDĐ/nK ngày 11/12/1997 do ông Hồ Văn M đứng tên; hàng thừa kế của ông M không khiếu nại về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T cũng không khiếu nại việc UBND huyện T thu hồi giấy chứng nhận QSD đất của ông M chồng bà T đứng tên (nội dung này được bà T vợ ông M thừa nhận tại cấp sơ thẩm, và phúc thẩm), như vậy về ý chí bà T biết rõ diện tích đất tranh

chấp 21.896m^2 là tài sản của ông Hồ Văn C1 (chết ngày 13/3/1995), bà Cao Thị Ỏ (chết ngày 26/9/1997) chết để lại chưa chia nên bà T không tranh chấp.

Tài liệu, chứng cứ tại vụ án còn thể hiện, khi ông M chồng bà T còn sống thì ngày 09/4/2008 (ông M chết năm 2009) ông M và các thừa kế của ông Hồ Văn C1 (chết ngày 13/3/1995), bà Cao Thị Ỏ (chết ngày 26/9/1997) thỏa thuận họ tộc ghi văn bản đề **ngày 09/4/2008** gồm các các ông, bà là Hồ Thị S, Hồ Văn M, Hồ Văn L, Hồ Văn Đ cùng ký tên và lăn tay điểm chỉ ghi nội dung xác định diện tích đất 24.254m^2 đất được cấp giấy CNQSDĐ số 01337 QSDĐ/nK ngày 11/12/1997 đứng tên Hồ Văn M là tài sản của ông C1, bà Ỏ để lại chưa chia **(kết quả đo thực tế là 21.896m^2),** bà T khai diện tích đất 24.254 m^2 **(kết quả đo thực tế là 21.896m^2)** tranh chấp được ông C1 bà Ỏ cho ông M nhưng không có giấy tờ chứng cứ chứng minh việc cho đất, bà T không thừa nhận 02 dấu vân tay màu đỏ in tại vị trí ký và viết tên Hồ Văn M là của chồng bà, nhưng tại Kết luận giám định số 08/KLGT-PC09(ĐV) ngày 22/4/2019 của Phòng K2 Công an tỉnh A kết luận: "02 dấu vân tay màu đỏ in tại vị trí ký và viết tên: Hồ Văn M, bằng mực màu xanh trên "Tờ thỏa thuận họ tộc" ngày 09/4/2008 (bản phô tô, ký hiệu A1): Dấu vân tay bên trái với dấu vân tay ngón trỏ trái in trên chỉ bản số: 350563640, mang tên Hồ Văn M, sinh năm 1963 (ký hiệu: M) *là cùng một người in ra*; Dấu vân tay bên phải không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất, các thừa kế ông C1 bà Ỏ không ý kiến gì đối với kết luận giám định, bà T cũng không phản đối kết luận giám định của cơ quan chuyên môn.

Trong thực tế, các thừa kế ông C1 bà Ỏ không ai quản lý, sử dụng đất này, diện tích đất 21.896m^2 này do ông M bà T quản lý canh tác, trồng cây lâu năm từ năm 1980 cho đến nay làm tăng giá trị đất là có trong thực tế (sổ trồng rừng do cơ Ban quản lý rừng Phòng hộ đặc dụng tỉnh A cấp cho ông M) cho đến nay bởi nói phù hợp với lời thừa nhận của ông Đ tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ nhận định trên, đủ căn cứ xác định diện tích 21.896m^2, thửa mới 21, loại đất cây lâu năm, tại các điểm 66,47,21,20,19,18,67,16,15,14,13,12,7,6,3,2,65 về 66, đất toạ lạc ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 lập ngày 13/12/2021 là tài sản của ông C1, bà Ỏ (Ổ) chết để lại, đất này là tài sản chung của ông C1, bà Ỏ (Ổ) được xem xét chia tài sản chung cho các thừa kế của ông C1, bà Ỏ (Ổ) theo quy định pháp luật, nhưng có xem xét đến công sức quản lý, giữ tài sản chung diện tích 21.896m^2 đất này cho bà T và các thừa kế của ông M khi chia đất cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa sơ thẩm, căn cứ vào bản trích đo toàn bộ hiện trạng diện tích đất tranh chấp tại Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 chi nhánh T7 và Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh T7 ngày 11/02/2019; Căn cứ án lệ số 05/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án TAND Tối cao; Căn cứ biên bản định giá tài sản tranh chấp (định giá đất, cây trồng trên đất…) ngày 07/7/2022

thể hiện cây trồng trên đất trị giá 219.390.000 đồng, đất cây lâu năm đang tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung (kết quả đo thực tế là 21.896m^2) là 36.000 đồng/m^2/21.896m^2 = 788.256.000 đồng; xem xét nhu cầu sử dụng thực tế việc sử dụng đất của các đương sự (để xử giao nhận đất, giao giá trị đất cho bà S nhận tiền vì bà S sinh sống ở tỉnh Đồng Nai); xét công sức của bà T tương ứng một suất tài sản chung là đất cho các thừa kế ông M, xem xét toàn diện các chứng liên quan khác trong vụ án, xác định đúng hàng thừa kế hợp pháp của ông C1 bà Ỏ (Ổ), xác định diện tích 21.896m^2 là tài sản của ông C1 bà Ỏ (Ổi) để chia tài sản chung cho các đương sự là đúng pháp luật.

Do đó, việc Tòa sơ thẩm tuyên xử: xác định diện tích 21.896m^2, thửa mới 21, loại đất cây lâu năm, đất toạ lạc ấp B, xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 chi nhánh T7 là tài sản chung chưa chia, để chia để chia theo pháp luật (05 phần bằng nhau cho các thừa kế ông C1 bà Ỏ); giao đất cho 04 thừa kế, giao tiền trị giá tài sản chung 01 suất cho bà S nhận tiền, trích công sức một suất diện tích tài sản chung là công sức đóng góp tôn tạo, giữ gìn di sản là tài sản chung từ năm 1980 cho bà T và các thừa kế hợp pháp của ông M nhận tương ứng một suất đất được chia; buộc các thừa kế của ông C1 bà Ỏ hoàn trả giá trị 01 suất trị giá tài sản chung là đất số tiền 157.652.000 đồng cho bà S nhận; buộc các thừa kế hợp pháp của ông C1 bà Ỏ hoàn giá trị huê lợi cây trồng trên đất cho bà T và các thừa kế ông M nhận như nội dung quyết định bản án đã tuyên được Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố công khai tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Đ kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ, tuy nhiên 05 lô đất mỗi lô có cùng diện tích là 4379,2m^2 theo bản vẽ ngày 13/12/2021 đều là đất trồng cây lâu năm (án sơ thẩm tuyên các thừa kế của ông C1 bà Ỏ hoàn trả giá huê lợi cây trồng trên đất cho bà T), nhưng án sơ thẩm không tuyên cho các đương sự được hưởng huê lợi cây trồng trên đất gắn liền với diện tích đất 4379,2m^2 theo bản vẽ ngày 13/12/2021 là chưa đảm bảo quyền lợi cho các thừa kế, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không tranh chấp nội dung này (nội dung này cũng không có kháng cáo, không bị kháng nghị), ông Đ đề nghị tòa phúc thẩm khi xử giao đất cho ai nhận thì giao cho người đó được sở hữu huê lợi cây trồng trên đất đó, đề nghị này của ông Đ là hợp lý, không trái pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các thừa kế khác, nên được chấp nhận.

Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm về cách tuyên về nội dung huê lợi cây trồng trên đất gắn liền với diện tích đất 4379,2m^2 giao cho các đương sự theo bản vẽ ngày 13/12/2021; Sửa án cách tuyên, tuyên phân định rõ nghĩa vụ hoàn giá trị tiền cho các đương sự trong vụ án như Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo,

kháng cáo, kháng nghị.

[4] Kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận, nhưng do sửa án về cách tuyên, nên ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, ông Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

P1 xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn Đ.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang về cách tuyên án.

Căn cứ Điều 147, 157, 244, 217, 218, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 207, 216, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 101, 166 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 05/2016/AL; Điều 12, 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

1.1. Xác định diện tích 21.896m^2 (thửa mới 21 và các thửa tạm mô tả trên bản vẽ) là loại đất cây lâu năm, đất tọa lạc ấp B, xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 chi nhánh T7 lập là tài sản chung của ông Hồ Văn C1 (chết năm 1995) và bà Cao Thị Ổ1 (chết năm 1997) để lại chưa chia;

1.2. Xử chia tài sản chung diện tích 21.896m^2 cho các đương sự nhận đất, nhận giá trị 01 suất tài sản chung là đất, giao đất tương ứng 01 suất tài sản chung là đất cho các đương sự sử dụng cụ thể đó là:

- Giao cho ông Hồ Văn L được quyền quản lý, sử dụng huê lợi cây trồng trên đất gắn liền với diện tích đất 4.379,2m^2 tại thửa tạm 5, giới hạn tại các điểm 67,68,74,7,12,13,14,15,16 về 67 theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh T7 (nay là thị xã T).

- Giao cho ông Hồ Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng huê lợi cây trồng trên đất gắn liền với diện tích đất 4.379,2m^2 tại thửa tạm 6, giới hạn tại các điểm 68,18,19,69,73,74 về 68 theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh T7 (nay là thị xã T).

- Giao cho hàng thừa kế ông Hồ Văn K (gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh

T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1 chết ngày 11/10/2021 là bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4) được quyền quản lý, sử dụng huê lợi cây trồng trên đất gắn liền với diện tích đất 4.379,2m^2 tại thửa tạm 7, giới hạn tại các điểm 69,20,70,72,6,73 về 69 theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh T7 (nay là thị xã T) lập.

- Giao cho hàng thừa kế của ông Hồ Văn M là Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N được quyền quản lý, sử dụng huê lợi cây trồng trên đất gắn liền với diện tích đất 4379,2m^2 tại thửa tạm 8, giới hạn tại các điểm 70,21,47,71,3,72 về 70 theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh T7 (nay là thị xã T).

- Giao cho hàng thừa kế của ông Hồ Văn M là Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N được quyền quản lý, sử dụng huê lợi cây trồng trên đất, nền móng nền nhà và vật kiến trúc trên đất, đất khu mộ trên đất gắn gắn liền với diện tích 4379,2m^2 tại thửa 21, giới hạn tại các điểm 71,66,65,2,3 về 71 theo Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh T7 (nay là thị xã T).

2. Xử về nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản chia tài sản chung:

Buộc những người thuộc hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2, ông Hồ Thanh H1 (chết ngày 11/10/2021) các thừa kế ông H1 là bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4; Những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N; ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn Đ cùng nghĩa vụ liên đới hoàn lại một suất chia giá trị tài sản chung diện tích 4.379,2m^2 cho bà Hồ Thị S nhận **số tiền 157.652.000 đồng** cụ thể nghĩa vụ từng đương sự đó là:

- Hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2, ông Hồ Thanh H1 (chết ngày 11/10/2021) các thừa kế ông H1 là bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4 liên đới hoàn lại số tiền 39.413.000 đồng cho bà Hồ Thị S nhận.

- Hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N liên đới hoàn lại số tiền 39.413.000 đồng cho bà Hồ Thị S nhận.

- Ông Hồ Văn L hoàn lại số triền 39.413.000 đồng cho bà Hồ Thị S nhận.

- Ông Hồ Văn Đ hoàn lại số triền 39.413.000 đồng cho bà Hồ Thị S nhận.

3. Xử về nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho các thừa kế ông Hồ Văn M nhận tiền.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1 (chết ngày 11/10/2021) là bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4; ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn Đ phải hoàn lại giá trị cây trồng cho bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà:

Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N nhận tiền trị giá huê lợi cây trồng trên đất tổng số tiền là **131.634.000 đồng**; cụ thể nghĩa vụ của các đương sự đó là;

- Hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1, (chết ngày 11/10/2021) là bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4 cùng liên đới hoàn lại số tiền là 43.878.000 đồng trị giá huê lợi cây trồng trên đất được chia cho các thừa kế của ông Hồ Văn M nhận tiền là bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N.

- Ông Hồ Văn L có trách nhiệm hoàn lại số tiền là 43.878.000 đồng trị giá huê lợi cây trồng trên đất được chia cho các thừa kế của ông Hồ Văn M nhận tiền là bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N.

- Ông Hồ Văn Đ có trách nhiệm hoàn lại số tiền là 43.878.000 đồng trị giá huê lợi cây trồng trên đất được chia cho các thừa kế của ông Hồ Văn M nhận tiền là bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đã tuyên tại bản án phúc thẩm cho các đương sự theo quy định của Luật Đất đai.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tranh chấp với bị đơn diện tích 12.079m^2.

6. Về chi phí tố tụng:

- Hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1 (chết ngày 11/10/2021) là bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4 liên đới phải hoàn lại chi phí tố tụng cho ông Hồ Văn Đ nhận số tiền là 4.670.000 đồng.

- Bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N liên đới phải hoàn trả chi phí tố tụng cho ông Hồ Văn Đ nhận bằng 02 phần tài sản chung là đất được chia số tiền là là 9.340.000 đồng.

- Ông Hồ Văn L phải hoàn lại chi phí tố tụng cho ông Hồ Văn Đ nhận số tiền là 4.670.000 đồng.

- Riêng đối với phần ông Hồ Văn Đ được chia, do ông đã tạm ứng nên không tính phải hoàn trả lại (ông Đ phải tự chịu chi phí tố tụng số tiền 4.670.000 đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hàng thừa kế của ông Hồ Văn K gồm các ông, bà: Hồ Thị Thanh T2, Hồ Thị H, Hồ Thanh T3, Hồ Thành L2 và người thừa kế của Hồ Thanh H1, chết ngày 11/10/2021 gồm: bà Trần Thị Thu L1 và cháu Hồ Đức T4 cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị T và những người thuộc hàng thừa kế ông Hồ Văn M gồm các

ông, bà: Hồ Thị T, Hồ Kim T1, Hồ Hoàng X1, Hồ Kim N cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hồ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hồ Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số TU/2014/0005726 ngày 29/12/2014 và tiền tạm ứng 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số TU/2015/0006532 ngày 21/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (nay là thị xã T), nên ông Hồ Văn Đ được nhận lại 100.000 đồng.

8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm đã tuyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

10. Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ Văn Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Đ nộp theo biên lai thu số 0009257 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Bản trích đo địa chính ngày 13/12/2021 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh T7 nay là thị xã T lập không tách rời bản án phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu luật pháp luật kể từ ngày tuyên án.